

Bản án số: 17/2017/HS-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thơm - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2017/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Đình Thị L, sinh năm 1979. Nơi ĐKHKTT: Khu tập thể Công ty cổ phần X, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: Xóm 6, thôn Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Đình Văn H, sinh năm 1956 và bà Lê Thị X, sinh năm 1958; có chồng Phạm Văn H, sinh năm 1975 và 04 con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh tháng 4 năm 2017); tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 03/10/2016 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Thành phố Hà Nội khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bị hại:

1. Bà Lưu Thị G, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

2. Bà Cao Thị L, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam, có mặt.

3. Chị Trịnh Thị Thu H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số nhà 86, đường V, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

4. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT: Khu phố 8, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Tổ 1, ấp H, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Lưu Thị X, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lưu Xuân H, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Lưu Thị T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Vũ Thế D, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 4 năm 2013, Đinh Thị L đưa ra nhiều thông tin gian dối như bản thân có khả năng xin đi học, đi làm và chuyển công tác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của một số công dân trên địa bàn các tỉnh Hà Nam, Hưng Yên và Thái Bình cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 8 năm 2011, Đinh Thị L gặp và quen biết chị Trịnh Thị Thu H. Qua trò chuyện, biết chị H có nhu cầu muốn xin về dạy học tại các trường trên địa bàn huyện D, tỉnh Hà Nam hoặc thành phố H, tỉnh Hưng Yên, L đưa thông tin như bản thân đang làm Kỹ sư hóa tại Công ty X, thuộc địa bàn huyện K có bác ruột là ông Lê Văn X làm Thiếu tướng Quân đội có khả năng xin chuyển trường giúp chị H về tỉnh Hưng Yên dạy học nhưng phải chi phí 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng). Do tin tưởng L có khả năng giúp được nên trong tháng 9 và tháng 10/2012, chị H đã 3 lần đến nhà L đưa cho L tổng số tiền 22.000.000đ nhờ xin chuyển công tác. Sau đó, L hỏi vay tiền và được chị H cho vay 13.000.000đ, thời gian sau L nói với chị H đã dùng số tiền này vào việc lo xin chuyển trường cho chị H. Sau một thời gian không thấy L xin chuyển trường như đã hứa, chị H tìm gặp đòi lại tiền. Ngày 18/6/2013, L viết giấy biên nhận đã nhận tiền để xin việc cho chị H nhưng viết nhầm số tiền là 32.000.000đ chứ không phải 35.000.000đ như thực tế và hẹn đến ngày 02/7/2013 sẽ hoàn trả lại số tiền 35.000.000đ. Đến nay, L chưa trả và không có khả năng trả.

Vụ thứ 2: Do có mối quan hệ họ hàng với chị Trịnh Thu H nên chị Lưu Thị X biết được việc chị H đang nhờ L xin chuyển công tác. Do chị X chưa có công việc nên khoảng tháng 12/2012, chị X cùng bố đẻ của mình là ông Lưu Xuân C gặp L tại nhà chị H ở thành phố H, tỉnh Hưng Yên để nhờ xin việc. L giới thiệu bản thân đang công tác tại Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam, có bác ruột là ông Lê Văn X làm Thiếu tướng Quân đội có thể xin cho chị X vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam với chi phí 35.000.000đ. Do tin tưởng L có khả năng xin việc giúp mình, chị X đã nhiều lần đưa L tổng số tiền 35.000.000đ. Một thời gian sau, L gọi điện thoại cho chị X nói đã nhờ ông X xin cho chị X vào công tác tại Bệnh viện 108 nhưng chi phí cao hơn, phải đưa thêm 70.000.000đ. Cũng trong thời gian này để tạo lòng tin, L nhận ông C và chị X là bố và em nuôi, qua đó L biết chị gái và anh rể của chị X là Lưu Thị T và anh Vũ Thế D chưa có việc làm.

L chủ động trao đổi với chị X là sẽ xin cho chị T và anh D vào làm ở Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam, sau đó L lấy lý do đã chuyển công tác lên Bộ Xây dựng và nhờ ông X xin cho chị T vào làm công tác Văn thư ở Bộ Xây dựng và anh D vào làm khảo sát công trình ở Bộ Xây dựng với chi phí 55.000.000đ. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 4/2013, chị X nhiều lần đưa tổng số tiền 55.000.000đ cho L để xin việc cho chị T và anh D. Sau một thời gian không thấy L xin được việc như đã hứa hẹn, chị X nhiều lần đến gặp L yêu cầu đòi lại tiền. Ngày 18/6/2013, L viết giấy biên nhận với nội dung L nhận của ông Lưu Xuân C số tiền 160.000.000đ để xin việc, hẹn ngày 02/7/2013 sẽ trả tiền. Đến nay Đình Thị L chưa trả và không có khả năng trả lại số tiền 160.000.000đ đã chiếm đoạt của chị X và gia đình.

Vụ thứ 3: Trong thời gian quen biết, đi lại với gia đình ông Lưu Xuân C, L gặp và quen biết chị gái của ông C là bà Lưu Thị G. L tự giới thiệu bản thân đang công tác tại Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam, có nhiều mối quan hệ và có bác ruột là ông Lê Văn X, Thiếu tướng Quân đội đang làm Phó Giám đốc Công ty X ở xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam có khả năng xin được việc làm cũng như xin đi học ở các Trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp. Khoảng tháng 11/2012, bà G đã nhờ L xin cho cháu ruột là anh Lưu Xuân M đi học tại Trường trung cấp Cảnh sát. L nhận lời và nói mức chi phí là 35.000.000đ. Ngày 05/4/2013, bà G cùng với chị Lưu Thị X đến nhà đưa cho L số tiền 30.000.000đ, vài ngày sau, L trao đổi với bà G nội dung nếu muốn xin cho M đi học ngay phải đưa thêm 50.000.000đ, bà G tiếp tục đi cùng chị X đến gặp L tại gầm Cầu vượt Đồng Văn thuộc thị trấn Đ, huyện D và đưa cho L 50.000.000đ. Sau đó bà G liên lạc, trao đổi với L nói thôi không xin cho M đi học nữa mà nhờ L xin cho anh Lưu Xuân H là anh trai M vào học tại Trường Trung cấp Cảnh sát. L nhận lời xin cho anh H vào làm Cảnh sát cơ động ở khu vực Cầu Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, vừa đi học vừa đi làm với chi phí khoảng hơn 100.000.000đ. Cuối tháng 4/2013, bà G đưa 50.000.000đ nhờ chị X đi cùng ông Lưu Xuân H, chị Lưu Thị T và anh Vũ Thế D đến nhà đưa cho L. Sau đó bà G tiếp tục nhờ chị X mang 25.000.000đ đến nhà đưa cho L. Một thời gian sau do không thấy L xin được việc và xin đi học cho H như đã hứa, bà G cùng ông H đến gặp L đòi tiền thì L thừa nhận không xin cho anh H đi học được và viết giấy biên nhận với nội dung đã nhận của ông Lưu Xuân H số tiền 155.000.000đ, hẹn ngày 05/6/2013 sẽ trả. Sau đó bà G đã nhiều lần yêu cầu L trả tiền, do không trả tiền nên L đã tự nguyện giao cho bà Lê Thị G 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Nouvo BKS 90B1-46... với giá thỏa thuận là 31.500.000đ (khi nào bà G bán xe phải hỏi ý kiến L). Số tiền L đã chiếm đoạt của bà G tổng cộng là 155.000.000đ.

Vụ thứ 4: Cuối năm 2012, bạn đại học cùng với chị Lưu Thị X là chị Vũ Thị T đến nhà chị X chơi gặp Đình Thị L. L giới thiệu có bác ruột Lê Văn X làm Thiếu tướng bên Bộ Quốc phòng, kết nghĩa anh em với Giám đốc Bệnh viện Quân y 108 nên có khả năng xin cho chị T làm tại Bệnh viện Quân y 108 với mức chi phí là 70.000.000đ. Do chưa có việc làm, chị T đã nhờ L xin việc giúp mình. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 12/2012 đến đầu tháng 01/2013, chị T đã nhiều lần đi cùng với chị X đến nhà L giao số tiền 70.000.000đ cho L. Sau

đó, L tiếp tục lấy các lý do như mua quà cáp, đi làm giấy công tác cho chị T hoặc xin chuyển công tác từ Khoa nội sang Khoa ngoại của Bệnh viện 108 để yêu cầu chị T đưa thêm tiền, chị T đã nhiều lần nhờ chị X đưa thêm cho L với tổng số tiền là 12.000.000đ. Đến tháng 4/2013, do không thấy L xin được việc cho mình, chị T đã yêu cầu L trả lại số tiền trên nhưng L không trả. Tổng số tiền L chiếm đoạt của chị T là 82.000.000đ.

Vụ thứ 5: Thông qua mối quan hệ quen biết với chị Trịnh Thị Thu H, bà Cao Thị L đã nhờ L xin việc cho chị Lại Thị H (con gái bà L). L đưa thông tin bản thân đang công tác ở Bộ Xây dựng có bác ruột là ông Lê Văn X làm Thiếu tướng Quân đội, bạn thân của Bộ trưởng Bộ Giáo dục nên xin việc cho con gái bà L vào dạy tại Trường Đại học sư phạm I Hà Nội với chi phí hơn 60.000.000đ. Số tiền này có thể giao làm nhiều lần. Do tin tưởng L nên trong khoảng thời gian từ cuối tháng 10/2012 đến cuối tháng 12/2012 bà L đã nhiều lần tự mình hoặc nhờ chị H đưa cho L tổng số tiền 63.000.000đ.

Đầu tháng 01/2013, L đến nhà bà L hỏi và được bà L cho vay 3 chỉ vàng (tương đương với số tiền 12.000.000đ), ít ngày sau L nói với bà L đã sử dụng số vàng này vào chi phí phát sinh xin việc cho chị H. Tiếp theo trong tháng 02/2013, L còn nhiều lần yêu cầu bà L phải đưa thêm chi phí phát sinh. Bà L đã đưa thêm cho L số tiền 7.000.000đ. Sau khi không thấy L xin được việc, bà L đã nhiều lần yêu cầu L trả tiền nhưng đến nay L vẫn không trả và không có khả năng trả tiền cho bà L. Tổng số tiền L đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Cao Thị L là 82.000.000đ.

Tại kết luận giám định số 26/GĐTL-PC54 ngày 22/11/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Chữ viết có nội dung ghi nhận nợ và hẹn trả tiền, ghi tên Đinh Thị L trên các tài liệu gửi giám định ký hiệu: Từ A1 đến A4 với chữ viết mẫu so sánh ghi tên người viết Đinh Thị L trên các tài liệu ký hiệu M1 đến M8 do cùng một người viết ra; chữ ký ghi danh Đinh Thị L trên các tài liệu ký hiệu từ A1 đến A4 với các chữ ký mẫu so sánh ghi tên Đinh Thị L trên các ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người ký ra.

Tại cơ quan điều tra, ban đầu Đinh Thị L khai sau khi nhận tiền của các bị hại, L đã đưa cho một người có tên là Hoàng Thị Mai L, cán bộ công tác tại Bộ Ngoại giao, L đã gặp và quen biết vào năm 2012 khi điều trị bệnh tại Bệnh viện K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã tiến hành xác minh tại Bộ Ngoại giao và Bệnh viện K. Kết quả xác định không có ai là Hoàng Thị Mai L như L đã khai báo.

Lời khai của ông Lê Văn X xác định có mối quan hệ họ hàng với Đinh Thị L. Bản thân có thời gian công tác tại Công ty xi măng X, Bộ Quốc phòng đóng tại địa bàn thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Năm 2003, ông X chuyển công tác lên Binh đoàn 11, Bộ Quốc phòng giữ chức vụ Phó Tư lệnh Binh đoàn và giữ quân hàm Đại tá đến khi về hưu. Ông X không được L nhờ xin việc cho ai và cũng không nhận tiền từ L.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đinh Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Lưu Thị G, bà Cao Thị L, chị Trịnh Thị Thu H, chị Lưu Thị X và chị Vũ Thị T yêu cầu Đinh Thị L trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 14/KSĐT ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, truy tố Đinh Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đinh Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Đinh Thị L từ 10 đến 11 năm tù; buộc L trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa bị cáo Đinh Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do không có công ăn việc làm ổn định và cần tiền chi tiêu cá nhân nên từ tháng 9/2012 đến tháng 4/2013, Đinh Thị L đã đưa ra nhiều thông tin gian dối như nhờ Thiếu tướng Lê Văn X hay bản thân có khả năng xin việc làm, xin đi học và chuyển trường để lừa đảo chiếm đoạt của chị Trịnh Thị Thu H số tiền 35.000.000đ, chị Vũ Thị T số tiền 82.000.000đ, bà Lưu Thị G số tiền 155.000.000đ, chị Lưu Thị X số tiền 160.000.000đ và bà Cao Thị L số tiền 82.000.000đ. Tổng số tiền Đinh Thị L chiếm đoạt là 514.000.000đ. Đến nay L không có khả năng thanh toán. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố Đinh Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của những người bị hại, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Khi xem xét hình phạt đối với bị cáo Đinh Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Thị L thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải, bản thân đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo có bố đẻ là thương binh (người có công với cách mạng) nên áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ, không có công ăn việc làm ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L là phù hợp pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đinh Thị L phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Riêng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nouvo BKS 90B1 - 46..., tại phiên tòa bị cáo Đinh Thị L và bà bà Lưu Thị G thỏa thuận tự giải quyết, không đề nghị Tòa xem xét giải quyết trong vụ án này. Việc thỏa thuận của bị cáo L và bà Lưu Thị G là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Đinh Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đinh Thị L 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và các Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo Đinh Thị L phải

trả bà Lưu Thị G số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng); trả bà Cao Thị L số tiền 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng); trả chị Trịnh Thị Thu H số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng); trả chị Vũ Thị T số tiền 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng); trả chị Lưu Thị X số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đinh Thị L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 24.560.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được quyền yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T, thành phố P;
- Bị cáo; Những người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đức Thủy